

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022**
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh
A	B	1	2	3	4
A	Ngân sách cấp Thành phố				
I	Nguồn thu ngân sách thành phố	73.135.218	138.907.348	87.588.059	63,06%
	<i>Nguồn thu ngân sách (nếu không tính thu chuyển nguồn, kết dư và bổ sung quỹ dự trữ tài chính)</i>	<i>66.129.681</i>	<i>63.939.442</i>	<i>85.398.470</i>	<i>133,56%</i>
1	Thu ngân sách cấp Thành phố hưởng theo phân cấp	61.848.006	61.190.252	82.488.887	134,81%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.281.675	2.749.190	2.909.583	105,83%
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>				
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>4.281.675</i>	<i>2.749.190</i>	<i>2.909.583</i>	<i>105,83%</i>
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	7.005.537	29.029.288	2.189.589	7,54%
	<i>Trong đó: Thu Nguồn CCTL đưa vào cân đối chi TX</i>	<i>7.005.537</i>	<i>7.005.537</i>	<i>2.189.589</i>	<i>31,26%</i>
5	Thu kết dư năm 2020 chuyển sang		45.938.618		
II	Chi ngân sách cấp Thành phố	88.008.318	77.393.959	97.517.859	110,81%
	<i>Nếu không tính kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03 (1)</i>	<i>85.680.767</i>	<i>75.853.648</i>	<i>96.612.225</i>	<i>112,76%</i>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Thành phố	69.673.130	59.058.771	90.535.232	129,94%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	18.335.188	18.335.188	6.982.626	38,08%
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>6.491.173</i>	<i>54,84%</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu cân đối tăng thêm</i>	<i>6.463.045</i>	<i>6.463.045</i>	<i>450.244</i>	<i>6,97%</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	<i>35.300</i>	<i>35.300</i>	<i>41.209</i>	<i>116,74%</i>
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
III	Bộ chi ngân sách địa phương	14.873.100		9.929.800	66,76%
B	Ngân sách Huyện				
I	Nguồn thu ngân sách	27.329.034	38.921.320	9.134.262	23,47%
	<i>Nguồn thu ngân sách (nếu không tính thu chuyển nguồn và kết dư)</i>	<i>25.579.522</i>	<i>25.213.243</i>	<i>8.614.990</i>	<i>34,17%</i>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	7.244.334	6.878.055	1.632.363	23,73%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	18.335.188	18.335.188	6.982.626	38,08%
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>6.491.173</i>	<i>54,84%</i>
-	<i>Thu bổ sung cân đối tăng thêm</i>	<i>6.463.045</i>	<i>6.463.045</i>	<i>450.244</i>	<i>6,97%</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>35.300</i>	<i>35.300</i>	<i>41.209</i>	<i>116,74%</i>
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.749.512	6.968.872	519.271	7,45%
	<i>Trong đó: Nguồn CCTL của NSQH đưa vào cân đối chi thường xuyên</i>	<i>1.749.512</i>	<i>1.749.512</i>	<i>519.271</i>	<i>29,68%</i>
4	Thu kết dư năm 2020 chuyển sang		6.739.205		
II	Chi ngân sách	27.329.034	47.200.798	9.134.262	33,42%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	24.136.229	44.007.993	8.436.388	34,95%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	3.192.805	3.192.805	697.874	21,86%
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>2.570.300</i>	<i>2.570.300</i>	<i>686.429</i>	<i>26,71%</i>
-	<i>Chi bổ sung cân đối tăng thêm</i>	<i>622.505</i>	<i>622.505</i>	<i>11.445</i>	<i>1,84%</i>
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú: (*): Đối với chi tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm 2022 với ước thực hiện năm 2021; Đối với chi tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm 2022 với dự toán năm 2021